TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 23-3-2018

V/v Tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hải Duy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hài

2. Ông Mã Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lương Thế Vinh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 932/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản

khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị Cẩm G**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Mỹ Lược, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Anh Lê Minh P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Mỹ Lược, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Huỳnh Thị Cẩm G và anh Lê Minh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 11/12/2017 nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Cẩm G trình bày:

Do quen biết nên chị G và anh Lê Minh P kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Trung. Quan hệ hôn nhân hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến đời sống vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì vậy chị G và anh P đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Về con chung: có 02 đứa tên là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh P.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị G và anh P không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Nay chị G yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh P.

Về con chung: Chị G đồng ý giao hết 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013 cho anh P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 03/01/2018 bị đơn là anh Lê Minh P trình bày:

Anh P thừa nhận, trước dây anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng hiện nay đã không còn nữa và vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra cải vã. Nay anh P không đồng ý ly hôn với chị G vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn và anh P mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ sống chung lo cho các con.

Nếu Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn thì anh P có các ý kiến và yêu cầu sau:

Về con chung: Anh P yêu cầu được nuôi hết 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013 cho anh P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị G là có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm G, cho chị G được ly hôn với anh Lê Minh P; về con chung: giao 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013 cho anh P nuôi dưỡng, chị Huỳnh Thị Cẩm G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo các lời trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bị đơn không quan tâm đến đời sống gia đình và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đồng thời theo Biên bản ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè có xác định "….. nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh P và chị G thường xuyên cãi vã…..", vấn đề này bị đơn cũng thừa nhận. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013, hiện đang sinh sống cùng với bị đơn. Tại phiên Tòa, nguyên đơn đồng ý giao hết 02 con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng và bị đơn cung đồng ý nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy, 02 con chung hiện do bị đơn nuôi dưỡng đã ổn dịnh từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay, vì vậy để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Ân. Cho nên, việc nguyên đơn đồng ý giao con chung và bị đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013 là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên Tòa, nguyên đơn khai sinh ngày 24/5/1992, thừa nhận giữa nguyên đơn, bị đơn có quan hệ tình cảm và kết hôn vào năm 2008. Xét thấy, con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008, như vậy, thời điểm nguyên đơn và bị đơn thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì nguyên đơn dưới 16 tuổi, có dấu hiệu vi phạm pháp luật theo quy định tại điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội giao cấu hoặc thực hiện hành vị tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đúng theo quy định của pháp luật Hình sự thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có quyền khởi tố vụ án hình sự và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Cẩm G và anh Lê Minh P.

[2] Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Huỳnh Cẩm N, sinh ngày 06/3/2013 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Cẩm G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Cẩm G khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị Huỳnh Thị Cẩm G và anh Lê Minh P khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Huỳnh Thị Cẩm G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)**,** chị G đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07957 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Huỳnh Thị Cẩm G và Lê Minh P có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY